TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 12/8/2020
"V/v: Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Duy Hiển và bà Nguyễn Thị Phương Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2020, tại phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 08/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 27/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 71 phố Cuối, khu x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân D: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 71 phố Cuối, khu x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương (theo Giấy ủy quyền lập ngày 25/3/2020).

Bị đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 14 ngõ 359 Nguyễn Chế Nghĩa, khu y, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa, bà Th có mặt; chị M vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là bà Phạm Thị Th trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, như sau: Bà Th và bị đơn chị Đặng Thị M có quan hệ quen biết, chị M đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng bà Th. Những lần vay trước, chị M đều trả xòng phẳng, đúng hẹn, đúng thỏa thuận. Đầu tháng 10/2016, chị M cần tiền nên lại hỏi vay tiền của bà Th, bà Th đồng ý cho vay, cụ thể:

- Ngày 05/10/2016, chị M vay của bà Th, ông Dũng số tiền 200.000.000đồng. Chị M viết giấy vay tiền, thỏa thuận miệng vay sau 1 tháng sẽ trả cả gốc và lãi như các lần vay trước.

- Ngày 17/10/2016, chị M tiếp tục vay của bà Th, ông Dũng số tiền 200.000.000đồng. Chị M cũng tự viết giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận miệng sau 1

tháng chị M trả đủ tiền gốc 400.000.000đồng và lãi suất là 2.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Tuy nhiên, sau một tháng chị M không trả tiền cho bà Th, ông Dũng cả tiền gốc và lãi như thỏa thuận. Bà Th đã đòi nợ chị M rất nhiều lần thì chị M liên tục hứa hẹn, khất nợ. Bà Th khẳng định từ ngày 05/10/2016 cho đến nay, chị M chưa trả cho ông bà số tiền gốc và tiền lãi. Bà Th thừa nhận trong năm 2017 bà mua cà ra, rạm, rươi ... của chị M (chị M bán đồ hải sản ở chợ Cuối, thị trấn Gia Lộc), có lần trả đủ tiền, có lần chị M bảo bà cứ mang về ăn, mỗi lần khoảng 1kg đến 2kg. Bà nghĩ chị M vay tiền nhưng không trả tiền lãi và gốc nên bà cầm về. Hai bên không chốt số tiền là bao nhiêu nhưng bà ước tính tổng các lần mua đồ ăn của chị M chỉ khoảng 6.000.000đồng đến 7.000.000đồng và sẽ được trừ vào số tiền lãi. Ngoài ra, vào khoảng giữa năm 2017 (không nhớ ngày, tháng) chị M đưa cho bà 2.000.000đồng bà cũng trừ vào tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu chị M phải trả cho ông bà số tiền gốc của hai lần vay (ngày 05/10/2016 và ngày 17/10/2016) là 400.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định tính từ tháng 11/2016 đến tháng 10/2019 với số tiền khoảng 70.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi quan điểm về tiền lãi, yêu cầu chị M phải thanh toán trả cho ông bà số tiền gốc 400.000.000đồng, tiền lãi tính từ tháng 12/2016 cho đến ngày xét xử theo lãi suất 9%/năm, trừ 7.000.000đồng (tiền mua hải sản) và 2.000.000đồng (trả năm 2017), chị M phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên đối chất, bị đơn chị Đặng Thị M trình bày:

Chị thừa nhận vào ngày 05/10/2016, chị vay của bà Th, ông Dũng số tiền gốc 200.000.000đồng; ngày 17/10/2016 chị vay tiếp 200.000.000đồng. Khi vay, chị tự tay viết giấy vay tiền với nội dung như bà Th trình bày là đúng. Chị và bà Th thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy vay tiền là chị vay đến khi nào có đủ tiền sẽ trả tiền gốc, còn tiền lãi sẽ trả hàng tháng, lãi suất là 2.000đồng/1.000.000đồng/ngày tức là 24.000.000đồng/tháng/số tiền gốc 400.000.000đồng. Từ tháng 11/2016 đến gần cuối năm 2017, chị đã trả cho ông bà Dũng Thơm tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận là 24.000.000đồng, mỗi lần trả tiền lãi hai bên không lập văn bản, không có người chứng kiến. Từ cuối năm 2017 đến nay, do chị Vũ Thị Thương sinh năm 1989 ở thôn Tó, xã Phương Hưng (nay là thị trấn Gia Lộc), huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương là người vay lại tiền của chị bỏ trốn, hoàn cảnh kinh tế của chị khó khăn nên chị không có tiền để trả cho bà Th, ông Dũng. Chị đã xin bà Th cho chị tiền lãi và được bà Th đồng ý. Ngoài ra, chị còn trình bày: Trong năm 2018 thỉnh thoảng bà Th ra chỗ chị bán hàng, lấy đồ hải sản của chị bán để trừ nợ (như tôm, cà ra, rươi), mỗi lần khoảng 1kg, 2kg hoặc 3kg. Giá cà ra khi đó khoảng 250.000đ/kg, rươi 500.000đ/kg, tôm 250.000đ/kg có thời điểm là 320.000đ/kg (gần Tết nên giá hải sản tăng). Mỗi lần lấy đồ ăn, chị đều nói giá, số kg, đều nhắn tin qua điện thoại số 037.9350.563 của chị vào số điện thoại của bà Th (chị chỉ nhớ số điện thoại có số 20 ở cuối). Tổng

số tiền bà Th mua hàng là 20.000.000đồng. Chị có ghi vào sổ nhưng lâu ngày sổ bị ướt và thất lạc nên nay không có tài liệu cung cấp cho Tòa án. Vì lúc đó bà Th đã cho chị tiền lãi nên số tiền 20.000.000đồng chị trừ vào nợ gốc. Như vậy, chị còn nợ ông bà Th Dũng số tiền gốc là 380.000.000đồng. Nay bà Th, ông Dũng yêu cầu chị phải trả số tiền gốc là 400.000.000đồng và tiền lãi: Chị không nhất trí. Chị xác định chị chỉ còn nợ gốc 380.000.000đồng chị sẽ trả dần và xin tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Đặng Minh Long là chồng của chị M thể hiện: Anh không biết việc vay tiền giữa chị M với vợ chồng bà Th, ông Dũng như thế nào, chị M không nói cho anh biết. Chị M không hề dùng số tiền đã vay của ông bà Dũng Thơm vào việc phục vụ kinh tế, gia đình. Anh xác định đây là khoản vay riêng của chị M với vợ chồng bà Th, không liên quan đến anh, đề nghị Tòa án không triệu tập anh và không xác định anh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa: Bà Phạm Thị Th là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn- ông Nguyễn Xuân D giữ nguyên quan điểm, yêu cầu chị M phải thanh toán cho ông bà số nợ gốc là 400.000.000đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2016 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 9%/năm, trừ đi 7.000.000đồng (tiền bà mua hải sản của chị M) và 2.000.000đồng (chị M trả bà năm 2017) và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 471, 474, 476 và 477 Bộ luật Dân sự 2005; Các điều 357, 468 và 688 Bộ luật Dân sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Xuân D. Buộc chị Đặng Thị M phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 400.000.000đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 133.100.000đồng, theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm; đối trừ số tiền 9.000.000đồng bà Th tự nguyện, như vậy số tiền lãi còn 124.100.000đồng. Vậy tổng số tiền chị M phải trả cho nguyên đơn là 524.100.000đồng gồm số tiền gốc là 400.000.000đồng và tiền lãi 124.100.000đồng. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.964.000đồng; hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ theo hai giấy vay tiền đối với chị Đặng Thị M, sinh năm 1986, cư trú tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

- Về tư cách tham gia tố tụng của anh Đặng Minh Long, sinh năm 1977, địa chỉ: Số nhà 14, ngõ 359 Nguyễn Chế Nghĩa, khu y, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định một mình chị M vay và nhận tiền từ vợ chồng ông Dũng, bà Th; cả hai giấy vay tiền cũng chỉ có chữ viết, chữ ký của chị M, hai giấy không ghi mục đích vay tiền. Bản thân chị M thừa nhận chị tự ý vay tiền của nguyên đơn, không cho anh Long (chồng chị) biết để cho chị Vũ Thị Thương vay lại. Khi bà Th đến nhà đòi tiền thì chị mới nói cho anh Long biết. Anh Long cũng xác định: Anh không biết việc chị M vay tiền của bà Th, thỏa thuận như thế nào, chị M không sử dụng số tiền đó vào việc chi tiêu cho sinh hoạt, kinh tế chung vợ chồng. Như vậy, chị M vay tiền của nguyên đơn để cho người khác vay lại, không có căn cứ xác định số tiền này được sử dụng để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình chị M. Nguyên đơn yêu cầu chị M phải thanh toán trả nợ cho ông bà. Do đó, HĐXX xác định đây là khoản nợ riêng chị M, không có căn cứ xác định là khoản nợ chung của vợ chồng anh Long, chị M để buộc anh Long cùng có trách nhiệm với chị M trả nợ cho ông Dũng, bà Th là phù hợp với quy định tại Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, HĐXX không đưa anh Đặng Minh Long vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là đúng với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Ông Nguyễn Xuân D vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Phạm Thị Th tham gia tố tụng tại Tòa án (theo giấy ủy quyền lập ngày 25/3/2020), bà Th có mặt; Bị đơn là chị Đặng Thị M vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về pháp luật áp dụng, thời hiệu khởi kiện: Vụ án được thụ lý ngày 26/3/2020 thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật (từ ngày 01/01/2017). Tuy nhiên, quan hệ vay nợ xác lập vào ngày 05/10/2016 và ngày 17/10/2016. Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX áp dụng các quy định của pháp luật nội dung theo Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết.

Quá trình giải quyết, các bên thừa nhận trong suốt từ khi vay tiền cho đến nay bà Th liên tục, nhiều lần đòi nợ chị M, chị M vẫn thừa nhận trách nhiệm trả nợ của mình nhưng do hoàn cảnh kinh tế hiện khó khăn nên chị hứa sẽ trả dần tiền cho nguyên đơn. Do đó, xác định tranh chấp hợp đồng dân sự vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2.1] Về yêu cầu đòi số nợ gốc:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền gốc đã vay là 400.000.000đồng cho hai lần vay mỗi lần 200.000.000đồng theo chứng cứ đưa ra là hai "Giấy vay tiền" lập ngày 05/10/2016 và ngày 17/10/2016. Bị đơn là chị M thừa nhận hai giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp là do chính chị viết, nội dung trong hai giấy vay tiền (đều thể hiện chị vay 200.000.000đồng của ông bà Dũng Thơm vào ngày 05/10/2016 dương và vay 200.000.000đồng ngày 17/10/2016 dương, có chữ ký, họ tên của chị M) là hoàn toàn đúng sự thật. Nên đây được coi là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giao dịch giữa các bên là sự thỏa thuận, tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quy định tại Điều 388, 389 và 471 BLDS 2005. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hai giấy vay tiền trên là có cơ sở.

Theo nguyên đơn trình bày cả hai lần vay tiền, chị M đều thỏa thuận miệng (không viết vào giấy vay tiền) là vay sau 1 tháng sẽ trả cả gốc và lãi. Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay chị M không trả tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận. Phía bị đơn-chị M lại cho rằng chị và nguyên đơn thỏa thuận miệng khi nào có đủ tiền chị sẽ trả số nợ gốc 400.000.000đồng, còn tiền lãi sẽ trả hàng tháng, lãi suất 2.000đồng/1.000.000đồng/ngày tức là 24.000.000đồng/tháng/400.000.000đồng. Từ khi vay cho đến cuối năm 2017 hàng tháng chị đều đã trả 24.000.000đồng tiền lãi cho nguyên đơn. Từ cuối năm 2017 chị đã được bà Th đồng ý cho tiền lãi. Ngoài ra, trong năm 2018 bà Th mua hải sản của chị với tổng số tiền là 20.000.000đồng chị trừ vào tiền gốc nên chị xác định chị còn nợ bà Th 380.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết, chị M không thực hiện quyền yêu cầu phản tố cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó lời khai của chị M là không có căn cứ, HĐXX không chấp nhận. Từ những phân tích trên thấy: Các bên đương sự không thống nhất được về thời hạn vay, trong giấy vay tiền cũng không ghi thời hạn trả nợ, hai bên thừa nhận giao dịch vay có thỏa thuận trả tiền lãi. Căn cứ Điều 471, Điều 477 BLDS 2005, HĐXX xác định đây là Hợp đồng vay tài sản (tiền) không kỳ hạn và có lãi để giải quyết và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị M phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc của hai lần vay tổng là 400.000.000đồng và tiền lãi.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 2.000đồng/1.000.000đồng/ngày, mỗi tháng trả tiền lãi là 24.000.000đồng/số tiền gốc 400.000.000đồng, hàng tháng chị đều trả tiền lãi cho nguyên đơn từ khi vay đến cuối năm 2017. Nguyên đơn xác định thời điểm vay chị M có thỏa thuận miệng hàng tháng sẽ trả lãi như chị M trình bày là đúng, tuy nhiên thực tế từ khi vay cho đến nay chị M không thực hiện đúng lời hứa, không trả tiền lãi cho bà. Chỉ có thời điểm trong năm 2017 bà mua hải sản của chị M, ước tính khoảng 6.000.000đồng đến 7.000.000đồng, giữa năm 2017 chị M trả bà 2.000.000đồng.

HĐXX thấy: Trong cả 2 giấy vay tiền đều không thể hiện lãi suất cho vay, nhưng các đương sự đều thừa nhận khi vay đã thỏa thuận miệng cho vay với lãi suất là 2.000đồng/1.000.000đồng/ngày tức là 24.000.000đồng/tháng/số tiền gốc 400.000.000đồng, (tức lãi suất cho vay là 6%/tháng). Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về số tiền lãi đã trả, nhận. Do đó không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của chị M về việc chị đã trả tiền lãi cho bà Th và đối chiếu với quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 thì mức lãi suất này vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, nội dung thỏa thuận về mức lãi suất là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu chị M phải trả tiền lãi cho số tiền gốc 400.000.000đồng được vay hai lần vào ngày 05/10/2016 và ngày 17/10/2016, tính từ tháng 12/2016 cho đến khi Tòa án xét xử, mức lãi suất 9%/năm (tức 0,75%/tháng), trừ số tiền 7.000.000đồng bà mua hải sản và 2.000.000đồng bà đã lấy vào giữa năm 2017. Đây là sự tự nguyện, quyền tự định đoạt của người khởi kiện, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi tính trên số tiền gốc (200.000.000đồng + 200.000.000đồng= 400.000.000đồng) chị M phải trả cho ông Dũng, bà Th tính từ tháng 12/2016 cho đến thời điểm xét xử (ngày 12/8/2020) là 44 tháng 11 ngày:

(400.000.000đồng x 9%/năm: 12 tháng x 44 tháng) + (400.000.000đồng x 9% : 12 tháng : 30 ngày x 11 ngày) - 7.000.000đồng - 2.000.000đồng= 124.100.000đồng (một trăm hai mươi tư triệu một trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự là 11.400.000đồng; Bị đơn- chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thi hành 524.100.000đồng là: 20.000.000đồng + 4% x 124.100.000đồng = 24.964.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 471, 474, 476 và 477 Bộ luật Dân sự 2005; Các điều 357, 468 và 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 26, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Phạm Thị Th và

ông Nguyễn Xuân D.

Buộc chị Đặng Thị M phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Xuân D và bà Phạm Thị Th số tiền gốc 400.000.000đồng và 124.100.000đồng tiền lãi; tổng cộng là 524.100.000đồng (năm trăm hai mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị M chậm thi hành số tiền trên thì phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đặng Thị M phải chịu 24.964.000đồng (hai mươi tư triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Phạm Thị Th, ông Nguyễn Xuân D số tiền tạm ứng án phí 11.400.000đồng (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng) bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0008731 ngày 25/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Mai